

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 590/2025/DS – ST.

Ngày: 05-9-2025.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1403/QĐST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1404/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu H, 266- B N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S (Văn bản ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Trụ sở: 278 N, phường V, (nay là phường X), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Minh T – sinh năm: 1973**

Địa chỉ: 8 đường số H, Phường A, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền số 5191/2023/UQ-TGD ngày 27/12/2023)

Bị đơn: Bà Hà Như Q, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường số H, phường A, thành phố T (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 4 năm 2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng), lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 29/4/2020, bà Hà Như Q có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa 436438-0550. Hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.40%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.502.806 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.937.988 đồng. Số tiền thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng là ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau.

Do bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/10/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Visa 436438-0550 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 05/09/2025 bà Q còn nợ như sau: nợ gốc 58.975.116 đồng, lãi quá hạn: 101.271.870 đồng, tổng cộng 160.246.986 đồng.

Đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng:

Căn cứ hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202024981489 ngày 27/04/2020 được ký giữa Ngân hàng TMCP S và bà Hà Như Q. Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, ngày đáo hạn 26/4/2025. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến nay, bà Q liên tục thanh toán trễ khoản vay. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Dư nợ cụ thể tính đến ngày 05/09/2025 như sau: nợ gốc 153.338.000 đồng, lãi trong hạn: 92.000.000 đồng, lãi quá hạn: 61.668.559 đồng, lãi trên số tiền lãi chậm trả 20.557.808 đồng, tổng cộng 327.564.367 đồng.

Vì vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Như Q trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày 05/9/2025 là 487.811.353 đồng, trong đó số tiền thanh toán thẻ tín dụng là 160.246.986 đồng, khoản vay tín dụng tiêu dùng là 327.564.367 đồng.

Và bà Hà Như Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Hà Như Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng bà Q đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của bà Q đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do bà Q vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung vụ án: căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung Đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 4 năm 2024, Ngân hàng yêu cầu bà Hà Như Q phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay (gồm tiền gốc và tiền lãi quá hạn) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/4/2020 và hợp đồng vay ngày 27/4/2020. Theo địa chỉ nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện thì bà Hà Như Q cư trú tại số C đường số H, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), tuy nhiên theo kết quả xác minh của công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Q không thực tế cư trú tại số C đường số H, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ sổ hộ khẩu bà Q cung cấp trong hồ sơ vay thì bà Q có hộ khẩu thường trú tại xóm K, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo kết quả xác minh của Công an xã T thì bà Q có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên tuy nhiên không thực tế cư trú. Tòa án thông báo cho Ngân hàng cung cấp địa chỉ mới của bà Hà Như Q và làm đơn yêu cầu đăng trên phương tiện đại chúng nhưng Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ mới cũng như không đồng ý yêu cầu đăng trên phương tiện thông tin đại chúng, yêu cầu Tòa án tổng đạt tại địa chỉ bà Q cung cấp trong hồ sơ vay do bà Q thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng nhưng không thông báo cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2-Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn bà Hà Như Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

[2.1]. Theo nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/4/2020, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa 436438-0550. Hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.40%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay, bà Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.502.806 đồng. Theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, bà Q phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.937.988 đồng. Số tiền thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng là ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Số tiền còn lại chưa thanh toán.

Do bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, ngày 06/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[2.2]. Đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng: Căn cứ hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202024981489 ngày 27/04/2020 được ký giữa Ngân hàng TMCP S và bà Hà Như Q. Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất 18%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Q đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Như Q phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 05/9/2025 là 487.811.353 đồng, trong đó số tiền thanh toán đối với thẻ tín dụng Visa 436438-0550 là 160.246.986 đồng,

khoản vay tín dụng tiêu dùng là 327.564.367 đồng. Trả một lần cho Ngân hàng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Như Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 23.512.454 đồng nộp tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bà Hà Như Q phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 05/9/2025 là 487.811.353 đồng (bốn trăm tám mươi bảy triệu tám trăm mười một ngàn ba trăm năm mươi ba), trong đó số tiền thanh toán đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/4/2020 là 160.246.986 đồng, khoản vay theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202024981489 ngày 27/04/2020 là 327.564.367 đồng. Trả một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần S ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hà Như Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì lãi suất mà bà Hà Như Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Như Q phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 23.512.454 đồng nộp tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.231.323 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026815 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tp. HCM;
 - VKSND KV2;
 - THADS TP. HCM;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Trâm